TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN TÂN PHÚ** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 721/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 02 - 8 - 2017
V/v "Tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN PHÚ - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Viết Hoàng Lâm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Mỹ Linh

2. Ông Kim Thái Hồ

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Quang Tạo – Thư ký Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân *quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa*: Bà Đoàn Thị Thúy Hà – Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 8 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 265/2017/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 3 năm 2017 về "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 151/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 7 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thảo U, sinh năm 1992
Địa chỉ: 26A đường V, phường P, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh

2.Bị đơn: Ông Nguyễn Xuân P, sinh năm 1987.
Địa chỉ: 113A đường Võ Văn D, phường P, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh

(Các đương sự có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 23/3/2017 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án nhân dân quận Tân Phú, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thảo U trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân:

Bà và ông Nguyễn Xuân P tự nguyện chung sống, có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 74 ngày 31/10/2016 của Ủy ban nhân dân thị trấn B, huyện C, tỉnh H.

Cuộc sống vợ chồng thời gian đầu hạnh phúc, sau phát sinh nhiều mâu thuẫn do tính tình, quan điểm sống và đời sống quan hệ vợ chồng không hòa hợp. Hai bên đã cố gắng hàn gắn, khắc phục nhiều lần nhưng không đạt được kết quả. Bà và ông P sống ly thân từ tháng 02/2017 đến nay. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu ly hôn với ông P.

Bị đơn ông Nguyễn Xuân P trình bày:

Ông P xác nhận về quá trình chung sống, kết hôn, mâu thuẫn vợ chồng như lời bà U trình bày là đúng, tuy nhiên do ông vẫn còn yêu thương bà U nên ông không đồng ý ly hôn.

- *Về quan hệ con chung*: Bà U và ông P xác nhận là không có.

- *Về quan hệ tài sản chung và nợ chung*: Bà và ông P xác nhận là không có.

Toà án đã tổ chức cho các bên hoà giải nhưng không thành.

Tại phiên toà hôm nay:

- Bà U vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn với ông P.

- Ông P không đồng ý ly hôn với bà U.

- Các vấn đề khác như về quan hệ con chung, tài sản chung và nợ chung : Hai bên vẫn giữ nguyên ý kiến như đã trình bày tại các buổi hòa giải.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Phú phát biểu quan điểm:

- *Về việc tuân theo pháp luật*: Đương sự, Thư ký và Hội đồng xét xử đều tuân theo pháp luật tố tụng qui định tại khoản 1Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 48, Điều 68, 191, 195, 196, 197, 203 và Điều 220 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

- *Về nội dung vụ án*: Quan hệ hôn nhân giữa bà U và ông P là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống giữa vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, cũng như sinh hoạt vợ chồng, ông P đã có hành vi bạo lực gia đình làm ảnh hưởng đến sức khỏe và tinh thần của bà U. Như vậy có cơ sở để xác định mâu thuẫn giữa bà U và ông P đã thật sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài. Do đó, căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, đề nghị Tòa án chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, sau khi nghe phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 74 do Ủy ban nhân dân thị trấn B, huyện C, tỉnh H cấp ngày 31/10/2016 thì quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Thảo U và ông Nguyễn Xuân P là quan hệ hôn nhân hợp pháp, phù hợp với qui

định tại khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Ông P cư trú tại quận Tân Phú nênToà án nhân dân quận Tân Phú thụ lý giải quyết là phù hợp với khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

2. Về yêu cầu của các đương sự:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Xét việc bà Nguyễn Thị Thảo U yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Xuân P:

Căn cứ lời khai của bà U và ông P xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa bà U và ông P đúng như lời trình bày của hai bên, vợ chồng chung sống không hạnh phúc. Căn cứ vào kết quả xác minh của Hội liên hiệp phụ nữ phường P, quận T thì: Do bà U hằng ngày chỉ sống bên nhà cha mẹ ruột, không quan tâm lo lắng công việc gia đình nên ông P đã có lời qua tiếng lại và nặng lời với bà U, ông P đã hai lần đánh đập bà U. Bà U và ông P đã ly thân từ ngày 23/3/2017. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa bà U và ông P là có thật, hiện nay bà U đã chuyển về sống chung với cha mẹ ruột, không có sự quan tâm, chăm sóc gia đình, hơn nữa ông P đã có hành vi bạo lực gia đình, đánh đập bà U.

Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị Thảo U là có căn cứ và phù hợp với qui định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- *Về quan hệ con chung, quan hệ tài sản và nghĩa vụ dân sự chung:* Hai bên cùng xác nhận không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về án phí:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 6; điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội thì bà U phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng.

Hội đồng xét xử nhận thấy ý kiến của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của Tòa án nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 267; khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ khoản 1 Điều 51, Điều 56; Điều 57 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào Điều 6; điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội;

1. Chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thảo U:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Bà Nguyễn Thị Thảo U được ly hôn với ông Nguyễn Xuân P

Giấy chứng nhận kết hôn số 74 do Ủy ban nhân dân thị trấn B, huyện C, tỉnh H cấp ngày 31/10/2016 cho bà Nguyễn Thị Thảo U và ông Nguyễn Xuân P không còn giá trị pháp luật kể từ ngày bản án của tòa án có hiệu lực.

- *Về quan hệ con chung, quan hệ tài sản và nghĩa vụ dân sự chung:* Hai bên cùng xác nhận không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

2. Về án phí:

Bà Nguyễn Thị Thảo U phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng bà U đã nộp theo biên lai thu tiền số 0026379 ngày 29/3/2017 của Chi cục thi hành án dân sự quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà U đã nộp đủ án phí.

3. Quyền kháng cáo:

Bà Nguyễn Thị Thảo U, ông Nguyễn Xuân P được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Viện kiểm sát có quyền kháng nghị bản án sơ thẩm theo qui định tại Điều 278 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự; người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND TP.HCM;
- VKSND Q. Tân Phú;
- Chi cục THADS Q. Tân Phú;
- UBND thị trấn Bảy Ngàn, huyện C, tỉnh H
- Lưu VP, hồ sơ (Tạo)./.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Viết Hoàng Lâm

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**